

BỘ CÔNG THƯƠNG-BỘ
TÀI CHÍNH-BỘ GIAO
THÔNG VẬN TẢI-BỘ
NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN-BỘ Y TẾ-NGÂN
HÀNG NHÀ NƯỚC
Số: 01/2008/TTLT/BCT-
BTC-BGTVT-BNN-BYT-
NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới

Căn cứ Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Liên tịch Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Những từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

- a) “Phương thức không theo thông lệ quốc tế” là bên mua và bên bán không thỏa thuận một quy định nào về áp dụng các thông lệ quốc tế trong hợp đồng. Thông lệ quốc tế trong thương mại quốc tế được hiểu là tập quán, cách làm lặp đi, lặp lại nhiều lần trong buôn bán quốc tế và được các tổ chức quốc tế liên quan thừa nhận, như Quy tắc chung INCOTERMS (International Rules for the Interpretation of Trade Terms).
- b) “Hàng hóa do cư dân nước có chung biên giới sản xuất” là hàng hóa có xuất xứ của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam sản xuất ra.
- c) “Khu vực tiếp giáp biên giới với các nước có chung biên giới” là khu vực biên giới gồm: các xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.
- d) “Vùng biên giới” gồm các tỉnh có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.
- đ) “Các điểm thông quan khác thuộc khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập” là điểm biên giới được ghi trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của khu kinh tế cửa khẩu hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép thông quan hàng hoá.

1.2. Hoạt động thương mại biên giới quy định tại Thông tư này gồm:

a) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới là những hoạt động dành riêng cho cư dân biên giới phù hợp với các quy định tại Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 của Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

b) Buôn bán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

c) Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá qua biên giới được các chủ thể quy định tại khoản 1, Mục II và khoản 1, Mục III của Thông tư này tiến hành theo các phương thức không theo thông lệ quốc tế.

2. Hàng hoá thương mại biên giới

Hàng hóa mua bán, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu theo hình thức thương mại biên giới được thực hiện theo những quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài.

3. Chất lượng hàng hoá thương mại biên giới

a) Về kiểm dịch y tế biên giới:

- Tất cả hàng hoá buôn bán, vận chuyển qua biên giới đều phải khai báo với Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới (Việc kiểm tra thực tế và xử lý kiểm dịch y tế này chỉ thực hiện đối với hàng hoá mang véc tơ, mầm bệnh truyền nhiễm và yếu tố nguy cơ đến sức khỏe cộng đồng do Bộ Y tế thông báo và chỉ định).

- Cục Y tế dự phòng và môi trường Việt Nam là cơ quan thuộc Bộ Y tế chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động kiểm dịch y tế biên giới trên địa bàn cả nước theo các quy định của pháp luật hiện hành về kiểm dịch y tế. Hệ thống tổ chức cơ quan kiểm dịch y tế biên giới Việt Nam thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thủ tục về trình tự kiểm tra thực tế và xử lý kiểm dịch y tế thực hiện theo quy trình kiểm dịch y tế biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

- Khi có dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra ở khu vực biên giới của nước có chung biên giới theo thông báo của Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh chỉ đạo cơ quan kiểm dịch y tế triển khai các hoạt động kiểm dịch y tế tại khu vực qua lại để kiểm tra, giám sát, thực hiện biện pháp xử lý y tế kịp thời đối với hàng hoá đảm bảo không để dịch bệnh lây lan.

b) Kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch thủy sản:

- Chỉ những hàng hoá thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch thủy sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố mới phải làm thủ tục kiểm dịch.

- Danh mục hàng hoá thuộc diện kiểm dịch động vật, thực vật xuất khẩu, nhập khẩu được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố trong từng thời kỳ.

c) Về kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm:

Hàng hoá là thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới phải được thực hiện theo Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Về kiểm soát chất lượng:

Hàng hoá của các đối tượng sau đây không phải kiểm tra nhà nước về chất lượng:

Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hàng hóa đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu. Riêng về kiểm dịch y tế thì trừ khi có dịch bệnh và những hàng hóa được cơ quan có thẩm quyền thông báo về nguy cơ dịch bệnh có thể truyền nhiễm qua.

đ) Về công tác kiểm lâm: Thực hiện theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05 tháng 7 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về công bố Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp.

e) Đối với thuốc: thực hiện theo Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này.

f) Đối với mỹ phẩm: thực hiện theo Quyết định số 35/2006/QĐ-BYT, ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Quy chế quản lý mỹ phẩm.

4. Thanh toán tiền hàng

a) Thanh toán trong mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới, thanh toán trong mua bán hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu được thực hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ), đồng tiền của nước có chung biên giới. Trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, chỉ được thực hiện với những đối tượng thu ngoại tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thanh toán xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới theo các phương thức không theo thông lệ quốc tế được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới.

b) Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc không dùng tiền mặt do các bên mua bán thoả thuận phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và các nước có chung biên giới.

c) Việc mang tiền đồng Việt Nam và tiền mặt của nước có chung biên giới qua cửa khẩu biên giới để thực hiện thanh toán theo các nội dung quy định tại điểm a, khoản 4 nói trên phải tuân thủ các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mang ngoại tệ tiền mặt và đồng Việt Nam bằng tiền mặt khi xuất nhập cảnh.

d) Các bên mua bán, trao đổi, xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới được lựa chọn các hình thức thanh toán phù hợp với các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Chính sách thuế và lệ phí

a) Đối với hàng hoá buôn bán qua biên giới: Phải nộp thuế và lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Định mức hàng hoá miễn thuế nhập khẩu không quá 2.000.000VNĐ/1người/1ngày được áp dụng cho các đối tượng nếu hội đủ các tiêu chí sau đây:

- Là cư dân biên giới Việt Nam hoặc cư dân biên giới của ba nước có chung biên giới (Trung Quốc, Lào, Campuchia) qua lại biên giới xuất trình chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới do cơ quan có thẩm quyền của hai nước cấp.

- Hàng hoá được sản xuất tại nước có chung biên giới. Hàng hoá sản xuất tại nước thứ ba không được hưởng định mức miễn thuế này.

c) Chính sách thuế đối với hàng hóa do cư dân biên giới mua trong khu thương mại – công nghiệp nào thì được thực hiện theo quy định của khu thương mại – công nghiệp đó.

d) Hàng hoá là sản phẩm không thể cắt rời, nếu giá trị một đơn vị sản phẩm vượt định mức này, thì phải nộp thuế phần vượt (kể cả vật nguyên con, nguyên chiếc, nguyên cái, nguyên bộ).

đ) Hàng hoá thuộc danh mục hạn ngạch thuế quan được sản xuất tại nước có chung biên giới, nếu do cư dân biên giới trao đổi mua bán cũng được hưởng định mức miễn thuế nêu trên.

e) Các chính sách thuế liên quan khác thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

II. MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI

1. Chủ thể được mua bán, trao đổi hàng hoá qua biên giới

Công dân có hộ khẩu thường trú tại các khu vực biên giới của Việt Nam và của các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia được mua bán, trao đổi các mặt hàng phù hợp với quy định về hàng hoá buôn bán qua biên giới được quy định tại khoản 2, Mục I của Thông tư này và được hưởng định mức miễn thuế nêu tại điểm b, khoản 5, Mục I nêu trên.

2. Cửa khẩu, địa điểm mua bán trao đổi hàng hoá qua biên giới

Thực hiện theo Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới: Thực hiện theo quy định của Luật Hải quan

a) Hồ sơ hải quan:

- Chủ hàng xuất trình chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung biên giới cấp để được hưởng định mức miễn thuế.

- Hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không yêu cầu phải khai trên tờ khai hải quan đối với hàng hoá trong định mức quy định tại điểm b, khoản 5, Mục I Thông tư này; đối với hàng hoá vượt định mức thì phải khai trên tờ khai phi thuế phần vượt định mức đó.

- Hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới nếu vượt định mức quy định, thì Cơ quan Hải quan tính thuế trực tiếp trên Tờ khai hàng hoá xuất khẩu/ nhập khẩu phi thuế phần vượt định mức đó.

- Hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O). Việc xác định xuất xứ hàng hoá đối với trường hợp này căn cứ vào việc kiểm tra thực tế của công chức hải quan.

b) Kiểm tra thực tế hàng hoá:

- Chỉ kiểm tra đối với trường hợp qua giám sát thấy có khả năng vượt định lượng miễn thuế, có hàng lậu. Cơ sở để tính giá trị hàng hoá là căn cứ vào giá cả thị trường vùng biên giới tại thời điểm đó.

- Đối với lô hàng có mở tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu phi mẫu dịch thì việc kiểm tra thực tế hàng hoá phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nơi không có Hải quan, thì Bộ đội biên phòng thực hiện theo các quy định tại khoản 3 này.

III. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI

1. Chủ thể Việt Nam được xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới

a) Thương nhân Việt Nam.

b) Hộ kinh doanh thuộc các tỉnh biên giới được thành lập đăng ký theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

2. Cửa khẩu xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới

a) Cửa khẩu quốc tế được mở cho người, phương tiện, hàng hoá của Việt Nam, nước có chung biên giới và nước thứ ba xuất nhập qua biên giới quốc gia.

b) Cửa khẩu chính được mở cho người, phương tiện, hàng hoá của Việt Nam và nước có chung biên giới xuất, nhập qua biên giới quốc gia.

c) Cửa khẩu và các điểm thông quan khác thuộc khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập.

d) Cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện, hàng hoá của Việt Nam và nước có chung biên giới ở khu vực biên giới, vùng biên giới qua lại biên giới quốc gia.

đ) Trường hợp hàng hoá theo hợp đồng thương mại và phi thương mại của nước thứ ba hoặc của nước có chung biên giới muốn xuất, nhập qua cửa khẩu phụ hoặc điểm thông quan nằm ngoài khu kinh tế cửa khẩu thì chủ hàng hoặc người đại diện phải có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh biên giới ra quyết định cho phép nếu việc thông quan đó hội đủ các tiêu chí sau:

- Phải có lực lượng chức năng chuyên ngành Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch.

- Quyết định này chỉ áp dụng cho từng lô hàng, từng hợp đồng và có thời hạn.

- Quyết định được gửi cho Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan.

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới: Thực hiện theo quy định của Luật Hải quan

a) Đối với hàng nhập khẩu:

- Tờ khai hải quan: Sử dụng tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo Tờ khai Hải quan do Bộ Tài chính quy định.